

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ – ST  
Ngày: 29/9/2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cung Trần Lương

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Chanh

2. Bà Sùng Thị Sinh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Mí Sính – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lù Văn A, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

**3. Những người làm chứng:**

Ông Lù Văn H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 03 thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 03 thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Lù Văn A kết hôn với nhau vào ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn. Vào hồi tháng 8 năm 2021, khi đó chị mang thai thì hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A không chịu tu chí làm ăn, không chăm sóc vợ, thường xuyên tụ tập uống rượu với bạn bè. Ngoài ra, anh A còn nợ nần chồng chất để chi tiêu vào mục đích cá nhân, đã nhiều lần có người tìm đến tận phòng trọ đòi nợ. Dù chị đã nhiều lần khuyên anh A nhưng anh A không thay đổi, thậm chí có vài lần còn sử dụng bạo lực với chị. Chị D nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh A được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Hai anh chị có 01 con chung là cháu Lù Minh H, sinh ngày 31/01/2022. Chị yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu anh Lù Văn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng chị không nợ tiền ai và không ai nợ tiền vợ chồng chị.

*Bị đơn anh Lù Văn A không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai nên không có ý kiến trình bày.*

Người làm chứng chị Phạm Thị T trình bày: Chị là hàng xóm cùng dãy trọ với vợ chồng chị D, anh A. Trong quá trình sinh sống khi vợ chồng chị D, anh A mới chuyển đến chung sống hòa thuận, không thấy cãi chửi nhau. Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn thì thấy vợ chồng chị D, anh A thường xuyên cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh A thường xuyên đi chơi, tụ tập rượu chè, không quan tâm đến vợ con, có lần anh A còn đánh đập chị D, khiến chị D bị tổn thương ngoài da, phần mềm. Ngoài ra còn có một lần có người đến đòi nợ số tiền 5.000.000 đồng nhưng anh A không trả còn cầm dao đe dọa, sau đó chị D phải cầm tiền đi trả và xin lỗi. Từ khoảng đầu tháng 7/2022 thì không thấy anh A về phòng trọ nữa, anh A đi đâu làm gì thì chị T không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký theo đúng quy định tại BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS.

+ Bị đơn Lù Văn A đã bỏ đi khỏi nơi tạm trú sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 14/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M. Bị đơn không gửi bản tự khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho cơ quan Tòa án để làm rõ những tình tiết khách quan trong vụ án. Do vậy gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình, con chung”.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Xét thấy việc chị Nguyễn Thị D làm đơn xin ly hôn với anh Lù Văn A là do anh A vay mượn tiền bạn bè quá nhiều, ham chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến mâu thuẫn hai vợ chồng xảy ra. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng có hàng xóm cùng dây trợ là chị Phạm Thị T và bố chồng của chị Nguyễn Thị D là ông Lù Văn H biết. Như vậy, theo đơn khởi kiện cùng những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã đủ căn cứ để xem xét giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh A.

+Về con chung: Anh A và chị D có 01 con chung là cháu Lù Minh H, sinh ngày 31/01/2022. Chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Xét thấy chị D đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng.

+Tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+Án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Lù Văn A có địa chỉ tại tổ 03 thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang, nên vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lù Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Lù Văn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Lù Văn A có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh Hà Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy chị D và anh A có thời gian chung sống hạnh phúc ngắn. Sau khi chị D mang thai, anh A không quan tâm, chăm sóc vợ con, mà thường xuyên tụ tập uống rượu với bạn bè, không tu chí làm ăn, nợ nần khắp nơi không trả được dẫn đến nhiều lần có người tìm đến phòng trọ của hai vợ chồng để đòi nợ. Sau nhiều lần chị D cũng như hai bên gia đình khuyên can nhưng thấy anh A không có biến chuyển, thậm chí còn nhiều lần sử dụng bạo lực với chị D đã dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, thể hiện anh A không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D để tiếp tục xây dựng lại gia đình. Qua đó cho thấy anh A và chị D đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh A không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện M, cho chị D được ly hôn với anh A.

[3] Về con chung: Anh A và chị D có 01 con chung là cháu Lù Minh H, sinh ngày 31/1/2022. Xét thấy hiện nay cháu H dưới 36 tháng tuổi và chị D đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Yêu cầu của chị D và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M về việc giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lù Minh H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lù Văn A

Cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lù Văn A.

Chị Nguyễn Thị D và anh Lù Văn A chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lù Minh H, sinh ngày 31/01/2022 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Lù Văn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu Tòa án có thể xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0006481 ngày 14/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang. Chị D đã nộp đủ án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.*

Đương sự có quyền kháng cáo lên cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã S, H. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Củng Trần Lương**